

**CÔNG TY
CỔ PHẦN CÁT LỢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 401/CPCL-TCKT
V/v Công bố thông tin.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI.
- Mã chứng khoán: CLC
- Địa chỉ trụ sở chính: 934D2 Đường D, KCN Cát Lái (Cụm 2), Phường Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 37421118.
- Fax: (028) 37420923.
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Hoàng Minh.
- Chức vụ: Giám đốc

Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã kiểm toán (đính kèm).

Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế. Không có

Lý do: Không có

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày

12/8/2025 tại đường dẫn: <http://www.catloi.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

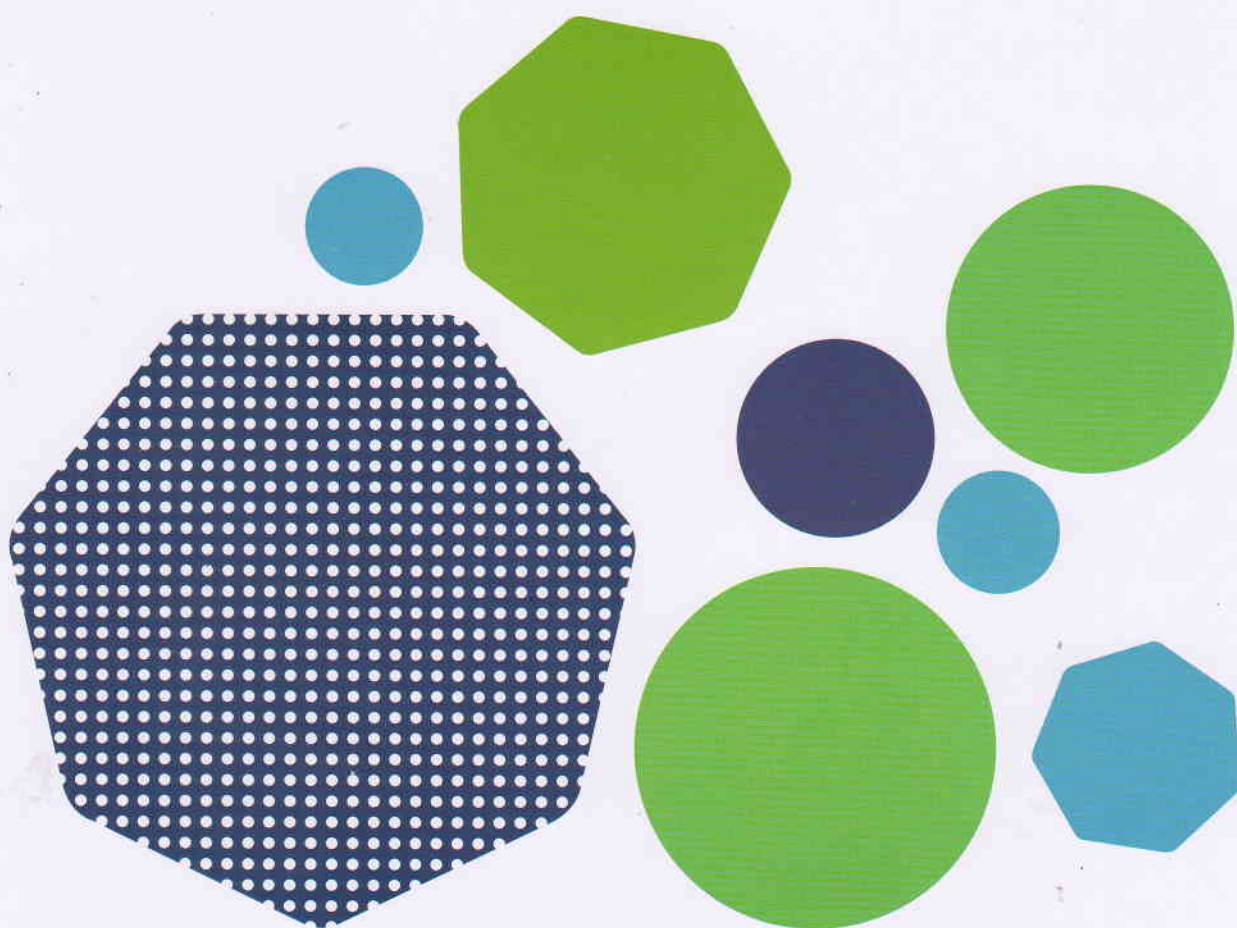
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2 Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0303185504, thay đổi lần thứ 13 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/07/2025 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004) và Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 08/06/2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 262.075.830.000 đồng chia thành 26.207.583 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 13.366.080 cổ phần tương ứng 133.660.800.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các Cổ đông khác nắm giữ 12.841.503 cổ phần tương ứng 128.415.030.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (cụm 2), Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng;
- Sản xuất đầu lọc thuốc lá.

Công ty có đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cát Lợi tại Miền Bắc đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/05/2025 với mã số chi nhánh là 0303185504-001.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cát Lợi tại Miền Bắc được đặt tại Lô CN01, Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, Xã Tây Phương, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Cát Lợi tại Miền Bắc: Sản xuất đầu lọc thuốc lá; In trên bao bì; Bán buôn vật tư phục vụ công nghiệp; Bán buôn hàng kim khí điện máy, máy móc - thiết bị cơ khí.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2 Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)****Hội đồng Quản trị**

Bà Ngô Thị Ngọc Duyên	Chủ tịch	Bỏ nhiệm kể từ ngày 16/06/2025
Ông Châu Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm kể từ ngày 16/06/2025
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên	Bỏ nhiệm lại kể từ ngày 16/06/2025
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên	
Bà Lê Diễm Anh	Thành viên	Bỏ nhiệm lại kể từ ngày 16/06/2025
Ông Đỗ Ngọc Quang	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Ánh	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Minh	Giám đốc	Bỏ nhiệm lại kể từ ngày 01/07/2025
Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc	

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Minh - Giám đốc Công ty.

Kế toán trưởng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Liêu Phước Tính.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2 Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Minh
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2025

Số. /2025/UHYHCM-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cát Lợi

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty Cổ phần Cát Lợi, được lập ngày 08 tháng 08 năm 2025, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phan Thanh Điền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số: 1496-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.740.424.028.079	1.841.282.095.680
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	68.721.210.407	32.039.406.447
Tiền	111		68.721.210.407	32.039.406.447
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		446.894.113.293	345.815.712.275
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	442.369.286.098	338.549.559.575
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.283.911.958	4.676.722.700
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.240.915.237	2.589.430.000
Hàng tồn kho	140	9	1.168.575.507.906	1.391.721.925.552
Hàng tồn kho	141		1.168.575.507.906	1.391.721.925.552
Tài sản ngắn hạn khác	150		56.233.196.473	71.705.051.406
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	12.107.520.602	12.578.768.623
Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.125.675.871	59.126.282.783
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		114.492.030.666	113.993.727.923
Tài sản cố định	220		111.099.310.634	110.498.801.204
Tài sản cố định hữu hình	221	10	107.306.133.324	106.875.855.954
- Nguyên giá	222		882.968.852.801	861.354.910.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(775.662.719.477)	(754.479.054.588)
Tài sản cố định vô hình	227	11	3.793.177.310	3.622.945.250
- Nguyên giá	228		20.284.449.299	19.514.449.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.491.271.989)	(15.891.504.049)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	105.194.216
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	105.194.216
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	3.229.348.753	3.229.348.753
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.000.000.000	6.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.770.651.247)	(2.770.651.247)
Tài sản dài hạn khác	260		163.371.279	160.383.750
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	163.371.279	160.383.750
TỔNG TÀI SẢN	270		1.854.916.058.745	1.955.275.823.603

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		995.559.441.148	1.045.472.119.467
Nợ ngắn hạn	310		975.773.105.443	1.024.694.765.723
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	438.826.864.041	323.456.984.840
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	9.629.805.646	14.185.619.695
Phải trả người lao động	314		50.817.420.366	29.268.843.546
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	213.165.102	458.327.470
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	65.588.776.820	48.767.580
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	360.438.309.922	645.046.129.370
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	18.225.895.741	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		32.032.867.805	12.230.093.222
Nợ dài hạn	330		19.786.335.705	20.777.353.744
Phải trả dài hạn khác	337	17	1.858.751.153	1.772.353.744
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		17.927.584.552	19.005.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		859.356.617.597	909.803.704.136
Vốn chủ sở hữu	410	20	859.356.617.597	909.803.704.136
Vốn góp của chủ sở hữu	411		262.075.830.000	262.075.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		262.075.830.000	262.075.830.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		64.847.400.000	64.847.400.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		368.900.229.366	343.870.353.270
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		163.533.158.231	239.010.120.866
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		85.170.056.516	88.781.032.024
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		78.363.101.715	150.229.088.842
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.854.916.058.745	1.955.275.823.603

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Đức Huy

Liêu Phước Tính

Nguyễn Hoàng Minh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	2.025.010.284.189	1.835.477.430.767
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	57.623.320	22.592.255
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.024.952.660.869	1.835.454.838.512
Giá vốn hàng bán	11	24	1.829.840.359.771	1.637.681.646.019
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		195.112.301.098	197.773.192.493
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.188.019.398	2.379.269.598
Chi phí tài chính	22	26	34.533.013.558	33.340.992.836
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.412.351.154</i>	<i>8.739.765.942</i>
Chi phí bán hàng	25	27	17.281.179.648	17.729.160.073
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	49.728.794.449	52.331.094.806
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		97.757.332.841	96.751.214.376
Thu nhập khác	31	28	196.544.303	1.521.532.894
Chi phí khác	32	29	-	1.348.958.344
Lợi nhuận khác	40		196.544.303	172.574.550
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		97.953.877.144	96.923.788.926
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	19.590.775.429	19.384.757.785
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		78.363.101.715	77.539.031.141
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.990	2.501
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	2.990	2.501

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Đức Huy


Liêu Phước Tính




Nguyễn Hoàng Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		97.953.877.144	96.923.788.926
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		20.855.294.486	10.979.797.607
Các khoản dự phòng	03		18.225.895.741	111.432.017.666
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		842.793.511	11.811.762
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(33.426.000)	(44.598.590)
Chi phí lãi vay	06		11.412.351.154	8.739.765.942
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		149.256.786.036	228.042.583.313
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(88.151.310.806)	(118.105.777.229)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		223.146.417.646	(72.138.706.976)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		131.536.962.243	128.165.565.432
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		468.260.492	3.706.215.868
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.657.513.522)	(9.021.407.320)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(19.478.689.797)	(22.308.583.488)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		16.680.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.343.038.776)	(9.674.198.137)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		380.794.553.516	128.665.691.463
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.240.977.688)	(76.242.242.399)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	(1.200.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.000.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		33.426.000	45.798.590
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.207.551.688)	(82.197.643.809)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		758.707.343.740	1.023.718.949.629
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.043.315.163.188)	(953.218.924.566)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(39.311.374.500)	(104.830.332.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(323.919.193.948)	(34.330.306.937)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		36.667.807.880	12.137.740.717
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	32.039.406.447	27.684.777.127
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		13.996.080	2.511.798
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	68.721.210.407	39.825.029.642

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Đức Huy

Liêu Phước Tính

Nguyễn Hoàng Minh



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0303185504, thay đổi lần thứ 13 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/07/2025 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004) và Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 08/06/2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 262.075.830.000 đồng chia thành 26.207.583 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 13.366.080 cổ phần tương ứng 133.660.800.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 12.841.503 cổ phần tương ứng 128.415.030.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại 934 D2 Đường D, Khu Công Nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 10 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCKGPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mã cổ phiếu là: CLC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 308 người và tại ngày 01/01/2025 là 311 người.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.
- Sản xuất đầu lọc thuốc lá.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bao bì thuốc lá và đầu lọc thuốc lá. Theo đó giá thị trường biến động của các sản phẩm trên sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu. Bên cạnh đó, tình hình và số lượng các nhà sản xuất cùng ngành ngày càng gia tăng cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên kết. Công ty có Công ty liên doanh là Công ty TNHH Bao Bì C & A như được trình bày tại Thuyết minh số 12 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty có đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cát Lợi tại Miền Bắc đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/05/2025 với mã số chi nhánh là 0303185504-001.

Chi nhánh Công ty cổ phần Cát Lợi tại Miền Bắc được đặt tại Lô CN01, Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, Xã Tây Phương, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Cát Lợi tại Miền Bắc: Sản xuất đầu lọc thuốc lá; In trên bao bì; Bán buôn vật tư phục vụ công nghiệp; Bán buôn hàng kim khí điện máy, máy móc - thiết bị cơ khí.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét.

Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại Thuyết minh số 31 của Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

4.2 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP.HCM.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá ngoại tệ áp dụng khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và được ghi nhận vào thu nhập trong kỳ.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc, thiết bị	2,5 - 18
- Phương tiện vận tải	3 - 11
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 12

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty được giao trong thời hạn 50 năm. Quyền sử dụng đất này được trích khấu hao trong 32 năm theo hướng dẫn tại Công văn số 10603 TC/PC ngày 20 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình khác được xác định thời gian khấu hao từ 2 đến 20 năm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản liên quan.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng.

4.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Công ty liên doanh được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Công ty liên doanh phải tổ chức thực hiện công tác kế toán riêng theo quy định của pháp luật hiện hành về kế toán, chịu trách nhiệm kiểm soát tài sản, các khoản nợ phải trả, doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh tại đơn vị mình. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được trích lập khi công ty được đầu tư bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty được đầu tư. Nếu công ty được đầu tư là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Số dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc Báo cáo tài chính năm và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước, bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, phần mềm và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí phần mềm và các chi phí khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng.

4.12 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh chi phí lãi vay trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có các nghĩa vụ về nợ phải trả hiện tại và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi nhận Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.16 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.16 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn:

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

4.17 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.18 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất phổ thông (20%) tính trên thu nhập chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.19 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động lĩnh vực của Công ty gồm sản xuất Cây dầu lọc; In nhãn nút; Giấy sấp, lưới gà và sản phẩm khác.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt lớn về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, Công ty liên doanh của Công ty, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	38.586.000	312.228.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	68.682.624.407	31.727.178.447
Cộng	68.721.210.407	32.039.406.447

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	442.369.286.098	338.549.559.575
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	18.636.706.064	13.806.744.602
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	189.237.897.308	138.621.405.947
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	95.562.528.223	62.065.868.857
- Đối tượng khác	138.932.154.503	124.055.540.169
b. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 33)	426.699.698.801	309.849.610.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.283.911.958	4.676.722.700
- Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật cơ điện lạnh R.E.E	-	2.700.000.000
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Hoàng Đình	57.750.000	623.927.700
- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin Đại Dương Mới	1.225.795.780	616.000.000
- Công ty TNHH Kỹ thuật Mai Gia	-	253.205.000
- Công ty TNHH TM DV& SX Đồng phục Đan Thanh	-	113.184.000
- Công ty TNHH Cơ điện 135	323.898.300	-
- Công ty TNHH mái hiên Thông Minh	141.458.400	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	535.009.478	370.406.000
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.240.915.237	-	2.589.430.000	-
- Tạm ứng	528.000.000	-	791.500.000	-
- Ký cược, ký quỹ (*)	1.700.930.000	-	1.797.930.000	-
- Thuế TNCN của CBCNV	4.712.510	-	-	-
- Phải thu khác	7.272.727	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.240.915.237	-	2.589.430.000	-

(*) Đây là khoản ký cược, ký quỹ gồm đặt cọc thuê kho là 1.500.000.000 đồng, đặt cọc thuê xe nâng là 143.000.000 đồng và các khoản đặt cọc khác là 57.930.000 đồng.

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	101.844.105.868	-	109.885.499.016	-
Nguyên liệu, vật liệu	955.910.349.876	-	1.188.493.408.236	-
Công cụ, dụng cụ	21.142.989	-	23.005.274	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	550.344.683	-	125.540.520	-
Thành phẩm	110.249.564.490	-	93.057.363.026	-
Hàng hóa	-	-	137.109.480	-
Cộng	1.168.575.507.906	-	1.391.721.925.552	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), Phường Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2025	33.307.920.490	805.456.820.439	15.775.908.167	6.814.261.446	861.354.910.542
- Mua trong kỳ	-	21.613.942.259	-	-	21.613.942.259
Tại 30/06/2025	33.307.920.490	827.070.762.698	15.775.908.167	6.814.261.446	882.968.852.801
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2025	(31.282.264.887)	(702.612.623.011)	(14.021.374.078)	(6.562.792.612)	(754.479.054.588)
- Khấu hao trong kỳ	(313.851.579)	(20.101.032.305)	(549.349.038)	(219.431.967)	(21.183.664.889)
Tại 30/06/2025	(31.596.116.466)	(722.713.655.316)	(14.570.723.116)	(6.782.224.579)	(775.662.719.477)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	2.025.655.603	102.844.197.428	1.754.534.089	251.468.834	106.875.855.954
Tại 30/06/2025	1.711.804.024	104.357.107.382	1.205.185.051	32.036.867	107.306.133.324

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là: 729.572.391.388 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 726.868.952.913 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 30/06/2025 là: 29.995.474.738 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 29.995.474.738 đồng).

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 30/06/2025 là: 387.745.852 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 473.911.597 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2025	15.502.607.589	4.011.841.710	19.514.449.299
- Mua trong kỳ	-	770.000.000	770.000.000
Tại 30/06/2025	15.502.607.589	4.781.841.710	20.284.449.299
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2025	(12.292.990.464)	(3.598.513.585)	(15.891.504.049)
- Khấu hao trong kỳ	(175.070.025)	(424.697.915)	(599.767.940)
Tại 30/06/2025	(12.468.060.489)	(4.023.211.500)	(16.491.271.989)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2025	3.209.617.125	413.328.125	3.622.945.250
Tại 30/06/2025	3.034.547.100	758.630.210	3.793.177.310

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là: 2.954.716.710 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 2.954.716.710 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 30/06/2025 là: 15.502.607.589 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 15.502.607.589 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp, cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 30/06/2025 là: 3.034.547.100 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 3.209.617.125 đồng).

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHẤM DẤU

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), Phường Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 30/06/2025			Tại 01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh						
- Công ty TNHH Bao Bì C & A (*)	6.000.000.000	(2.770.651.247)	3.229.348.753	6.000.000.000	(2.770.651.247)	3.229.348.753
Tổng cộng	6.000.000.000	(2.770.651.247)	3.229.348.753	6.000.000.000	(2.770.651.247)	3.229.348.753

(*) Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Bao Bì C & A, với giá trị phần góp vốn là 6.000.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 50%. Công ty TNHH Bao Bì C & A được thành lập vào ngày 18/01/2024 với vốn điều lệ là 12.000.000.000 đồng, địa chỉ trụ sở chính tại số 38A Đại lộ Hữu Nghị, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH Bao Bì C & A là sản xuất bao bì từ giấy và bìa.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Ngắn hạn	12.107.520.602	12.578.768.623
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.677.797.385	9.682.936.575
- Chi phí khác	1.429.723.217	2.895.832.048
Dài hạn	163.371.279	160.383.750
- Chi phí khác	163.371.279	160.383.750

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), Phường Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	438.826.864.041	438.826.864.041	323.456.984.840	323.456.984.840
- Công ty Dr.Franz Feurstein Gmbh	26.865.431.853	26.865.431.853	38.353.487.733	38.353.487.733
- Công ty PT.INDAH KIAT PULP	285.634.043	285.634.043	11.970.990.738	11.970.990.738
- Công ty Intelligent Joy Int'l Hongkong Limited	18.770.806.544	18.770.806.544	18.291.960.900	18.291.960.900
- Công ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc Lá	149.783.172.686	149.783.172.686	60.027.317.869	60.027.317.869
- Công ty Nomura	104.626.353.342	104.626.353.342	78.782.113.728	78.782.113.728
- Công ty Newtoyo	30.532.953.402	30.532.953.402	29.983.007.952	29.983.007.952
- Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Bến Tre	19.518.461.860	19.518.461.860	-	-
- Công ty British American Tobacco	17.109.684.868	17.109.684.868	17.556.166.197	17.556.166.197
- Các khoản phải trả người bán khác	71.334.365.443	71.334.365.443	68.491.939.723	68.491.939.723
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 33)	177.630.870.894	177.630.870.894	68.011.683.103	68.011.683.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2025		Số phát sinh trong kỳ		Tại 30/06/2025	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế và các khoản phải nộp, phải thu	14.185.619.695	-	90.497.923.000	95.053.737.049	9.629.805.646	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	61.524.400.017	61.524.400.017	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	6.472.978.759	6.472.978.759	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.316.975.746	-	19.590.775.429	19.478.689.797	9.429.061.378	-
- Thuế thu nhập cá nhân	4.868.643.949	-	2.483.810.206	7.151.709.887	200.744.268	-
- Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
- Thuế nhà thầu nước ngoài	-	-	422.958.589	422.958.589	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
- Trích trước chi phí lãi vay	213.165.102	458.327.470
Cộng	213.165.102	458.327.470

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	65.588.776.820	48.767.580
- Kinh phí công đoàn	69.819.320	48.767.580
- Cổ tức phải trả	65.518.957.500	-
b) Dài hạn	1.858.751.153	1.772.353.744
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	1.858.751.153	1.772.353.744
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	67.447.527.973	1.821.121.324

(*) Là các khoản nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng mái nhà xưởng để lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà, với tổng giá trị là 555.270.553 đồng và khoản nhận đặt cọc chi phí phụ tùng từ khách hàng để sản xuất nhãn in thuốc lá, với giá trị là 1.303.480.600 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), Phường Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 30/06/2025		Trong kỳ		Tại 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	360.438.309.922	360.438.309.922	758.707.343.740	1.043.315.163.188	645.046.129.370	645.046.129.370
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh (1)	250.199.204.763	250.199.204.763	426.705.059.034	476.984.409.135	300.478.554.864	300.478.554.864
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (2)	110.239.105.159	110.239.105.159	284.439.933.306	440.399.315.828	266.198.487.681	266.198.487.681
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Bank - CN Tp. Hồ Chí Minh (3)	-	-	47.562.351.400	125.931.438.225	78.369.086.825	78.369.086.825
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	360.438.309.922	360.438.309.922	758.707.343.740	1.043.315.163.188	645.046.129.370	645.046.129.370

- (1) Khoản vay từ Hợp đồng cấp tín dụng số 3/650042/25-DN1/N-CTD ngày 14/02/2025 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 600.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký. Thời hạn khoản vay tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh và hệ thống nhà văn phòng, nhà xưởng và các công trình gắn liền với đất tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(2) Bao gồm các khoản vay sau:

Khoản vay từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 25.732011/2025-HĐCVHM/NHCT900-CATLOI ngày 29/05/2025, với hạn mức cho vay không quá 300.000.000.000 đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời gian duy trì hạn mức được tính từ ngày 29/05/2025 đến hết ngày 29/05/2026. Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất vay trong hạn của khoản nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Khoản vay từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 24.479003/2024-HĐCVHM/NHCT900-CATLOI ngày 16 tháng 09 năm 2024, với hạn mức cho vay không quá 300.000.000.000 đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời gian duy trì hạn mức được tính từ ngày 16/09/2024 đến hết ngày 30/11/2024 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 24.479003/2024-HĐLCHM-SĐBS01/NHCT900-CATLOI ngày 22/11/2024 về việc duy trì hạn mức đến hết ngày 31/05/2025. Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất vay trong hạn của khoản nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(3) Khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số BC_HĐTD/CATLOI_01/20130925 ngày 14/10/2013, được gia hạn bởi phụ lục gia hạn – sửa đổi bổ sung số BC_HĐTD/CATLOI_01/20130925_PL2024 ngày 21/10/2024 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 120.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời gian duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng cho đến ngày 14/10/2025. Thời hạn cho vay tối đa không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Dự phòng chi phí bảo trì, bảo dưỡng VND
Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	19.000.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(774.104.259)
Số dư cuối kỳ	18.225.895.741

Chi phí dự phòng phải trả ngắn hạn là chi phí dự phòng sửa chữa tài sản cố định trong năm 2025 được trích lập theo kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tỷ lệ %	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	51,00%	133.660.800.000	133.660.800.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6,38%	16.725.400.000	16.725.400.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	4,07%	10.676.080.000	10.676.080.000
Cổ đông khác	38,55%	101.013.550.000	101.013.550.000
Cộng	100%	262.075.830.000	262.075.830.000

20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	262.075.830.000	262.075.830.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	262.075.830.000	262.075.830.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	104.830.332.000	104.830.332.000

20.3 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2025 Cổ phiếu	Tại 01/01/2025 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.207.583	26.207.583
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.207.583	26.207.583
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.207.583	26.207.583
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.207.583	26.207.583
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.207.583	26.207.583
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

20.4 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	368.900.229.366	343.870.353.270
Cộng	368.900.229.366	343.870.353.270

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), Phường Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**20.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2024	262.075.830.000	64.847.400.000	323.138.546.696	229.146.519.328	879.208.296.024
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	150.229.088.842	150.229.088.842
- Phân phối lợi nhuận năm 2023 (*)	-	-	20.731.806.574	(140.365.487.304)	(119.633.680.730)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	20.731.806.574	(20.731.806.574)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(14.036.548.730)	(14.036.548.730)
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(766.800.000)	(766.800.000)
+ Chia cổ tức năm 2023 (40%)	-	-	-	(104.830.332.000)	(104.830.332.000)
Tại 31/12/2024	262.075.830.000	64.847.400.000	343.870.353.270	239.010.120.866	909.803.704.136
Tại 01/01/2025	262.075.830.000	64.847.400.000	343.870.353.270	239.010.120.866	909.803.704.136
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	78.363.101.715	78.363.101.715
- Phân phối lợi nhuận năm 2024 (**)	-	-	25.029.876.096	(153.840.064.350)	(128.810.188.254)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	25.029.876.096	(25.029.876.096)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(23.202.256.254)	(23.202.256.254)
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(777.600.000)	(777.600.000)
+ Chia cổ tức năm 2024 (40%)	-	-	-	(104.830.332.000)	(104.830.332.000)
* Từ lợi nhuận tăng thêm năm 2023	-	-	-	(3.610.975.508)	(3.610.975.508)
* Từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	(101.219.356.492)	(101.219.356.492)
Tại 30/06/2025	262.075.830.000	64.847.400.000	368.900.229.366	163.533.158.231	859.356.617.597

(*) Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và đã trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 258/NQ-CPCL ngày 27 tháng 05 năm 2024.

(**) Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và đã trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 282/NQ-CPCL ngày 16 tháng 06 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
a) Tài sản thuê ngoài (VND)	-	-
b) Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	6.473.111.790	5.161.748.450
c) Ngoại tệ các loại:		
- USD	118.312,81	34.067,01
- EUR	1.171,59	1.175,35
- GBP	90,05	93,35
- JPY	19.811,00	20.537,00

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.025.010.284.189	1.835.477.430.767
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.987.895.568.826	1.817.480.197.735
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	23.092.684.562	8.620.530.815
Doanh thu gia công, chế biến	4.216.265.445	796.906.394
Doanh thu phế liệu thu hồi	9.150.442.180	7.941.653.242
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	655.323.176	638.142.581
Cộng	2.025.010.284.189	1.835.477.430.767
b) Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 33)	1.851.819.955.605	1.630.974.282.092

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Hàng bán bị trả lại	57.623.320	22.592.255
Cộng	57.623.320	22.592.255

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Giá vốn của thành phẩm	1.796.822.032.128	1.620.616.980.149
Giá vốn của vật tư, hàng hóa	21.647.847.428	8.087.076.916
Giá vốn gia công chế biến	1.817.110.565	627.790.896
Giá vốn phế liệu thu hồi	9.150.442.180	7.941.653.242
Giá vốn của dịch vụ khác	402.927.470	408.144.816
Cộng	1.829.840.359.771	1.637.681.646.019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	33.426.000	45.798.590
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.120.371.448	2.333.471.008
Chiết khấu thanh toán	1.034.221.950	-
Cộng	4.188.019.398	2.379.269.598

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí lãi vay	11.412.351.154	8.739.765.942
Chiết khấu thanh toán	18.628.411.028	16.065.853.676
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.649.457.865	8.523.561.456
Lỗ do đánh giá lại số dư cuối kỳ	842.793.511	11.811.762
Cộng	34.533.013.558	33.340.992.836

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Các khoản chi phí bán hàng	17.281.179.648	17.729.160.073
Quảng cáo, thị trường	666.816.022	1.397.300.147
Cước vận chuyển, bốc xếp	16.313.611.057	16.137.405.885
Chi phí vật liệu bao bì	33.527.758	23.260.206
Chi phí khác bằng tiền	267.224.811	171.193.835
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	49.728.794.449	52.331.094.806
Chi phí nhân viên quản lý	32.941.032.037	27.485.924.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.060.016.775	1.112.792.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.876.961.493	3.810.989.470
Chi phí khác bằng tiền	10.850.784.144	19.921.388.207

28. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Thu nhập từ phế liệu thu hồi	108.500.000	93.950.000
Tiền bồi hoàn hàng hóa hư hỏng	-	1.381.986.518
Thu nhập khác	88.044.303	45.596.376
Cộng	196.544.303	1.521.532.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

29. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí hàng hóa hư hỏng	-	1.348.958.344
Cộng	-	1.348.958.344

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	97.953.877.144	96.923.788.926
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế trong kỳ	97.953.877.144	96.923.788.926
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.590.775.429	19.384.757.785

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số tạm tính và sẽ thực hiện điều chỉnh khi Công ty hoàn thành tờ khai quyết toán thuế cuối năm.

31. LÃI CƠ BẢN VÀ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	78.363.101.715	77.539.031.141
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	78.363.101.715	77.539.031.141
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(11.989.928.127)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu)	26.207.583	26.207.583
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	2.990	2.501
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (**)	2.990	2.501

(*) Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, lợi nhuận để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích quỹ này trong năm 2025.

Ngoài ra, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 282/NQ-CPCL ngày 16/06/2025. Do đó, Công ty trình bày lại số liệu so sánh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 khi tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu.

(**) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông tại ngày 30/06/2025 nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

31. LÃI CƠ BẢN VÀ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

	Mã số	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 (Số đã báo cáo) VND	Số điều chỉnh VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 (Số trình bày lại) VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)		77.539.031.141	-	77.539.031.141
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)		(7.753.903.114)	(4.236.025.013)	(11.989.928.127)
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	70,71	2.663	(162)	2.501

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.697.524.669.298	1.417.661.734.007
Chi phí nhân công	72.388.307.456	63.389.581.419
Khấu hao tài sản cố định	20.855.294.486	10.979.797.607
Chi phí dự phòng sửa chữa lớn	19.000.000.000	114.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.453.707.105	31.862.503.769
Chi phí bằng tiền khác	34.639.926.388	30.343.795.542
Cộng	1.879.861.904.733	1.668.237.412.344

33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	Công ty thành viên phụ thuộc TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	Công ty thành viên phụ thuộc TCT Thuốc lá Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	Công ty liên doanh của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Liên Doanh VINA - BAT	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Bao bì C & A	Công ty liên doanh của Công ty
Chi nhánh Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam	Đơn vị thành viên phụ thuộc TCT Thuốc lá Việt Nam
- Công ty TNHH MTV - Trung tâm đào tạo Vinataba	
Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Bà Ngô Thị Ngọc Duyên	Chủ tịch HĐQT
Ông Châu Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Đã miễn nhiệm)
Ông Đỗ Ngọc Quang	Thành viên HĐQT
Bà Lê Diễm Anh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đức Hanh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên HĐQT, Giám đốc
Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Ánh	Trưởng BKS
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Thành viên BKS
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên BKS
Ông Liêu Phước Tính	Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Trong kỳ, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	1.830.315.078.013	1.629.081.135.737
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	975.544.934.757	792.349.209.289
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	362.770.148.910	364.716.831.845
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	97.269.450.160	76.516.596.550
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	44.584.114.745	80.665.128.190
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	13.124.303.970	24.652.086.345
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	47.259.536.850	52.330.581.235
- Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	37.779.730.840	46.770.747.116
- Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT	57.680.349.517	48.114.184.611
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	71.052.507.385	34.304.279.550
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	45.732.398.220	42.574.524.525
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	48.699.622.820	43.823.608.425
- Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	18.742.479.164	20.058.031.007
- Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	9.351.875.870	236.484.300
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	607.286.295	580.106.394
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	100.800.000	1.367.109.800
- Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	15.538.510	21.626.555
Doanh thu (chưa VAT) với bên liên quan là Công ty liên doanh, liên kết	21.504.877.592	1.893.146.355
- Công Ty TNHH Bao Bì C & A	21.504.877.592	1.893.146.355
Mua hàng, dịch vụ (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	512.727.368.144	688.756.184.541
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	459.661.786.200	654.633.490.728
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	18.068.413.670	17.357.757.834
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	17.750.116.921	-
- Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	15.864.096.827	16.017.969.280
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	693.811.136	440.344.494
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	449.514.230	119.436.605
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	194.929.160	183.935.600
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	33.500.000	-
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	11.200.000	3.250.000
Mua hàng, dịch vụ (chưa VAT) với bên liên quan là Công ty liên doanh, liên kết	7.653.409.350	2.911.000.000
- Công ty TNHH bao bì C & A	7.653.409.350	2.911.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Thu nhập khác từ bên liên quan	88.044.303	46.796.376
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	88.044.303	46.796.376
Chiết khấu thanh toán cho bên liên quan	18.628.411.028	16.065.853.676
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	15.045.460.014	12.328.589.228
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	3.582.951.014	3.737.264.448
Cổ tức được chia trong kỳ	104.830.332.000	104.830.332.000
- Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	53.464.320.000	53.464.320.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6.690.160.000	6.690.160.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	4.270.432.000	4.270.432.000
- Cổ đông khác	40.405.420.000	40.405.420.000

Số dư với các bên liên quan

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khách hàng với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	419.696.820.459	300.461.645.115
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	189.237.897.308	138.621.405.947
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	95.562.528.223	62.065.868.857
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	20.338.500.114	17.357.175.612
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	23.293.467.758	10.989.032.128
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	8.649.439.286	6.369.225.565
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	10.199.960.910	12.338.559.129
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	18.636.706.064	13.806.744.602
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	7.882.804.853	7.205.125.598
- Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	8.672.879.302	3.885.302.370
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	15.142.114.258	10.700.175.454
- Công ty TNHH Liên Doanh VINA - BAT	17.929.931.240	17.003.611.620
- Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	3.990.661.415	44.128.800
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	159.929.728	75.289.433
Phải thu khách hàng với bên liên quan là Công ty liên doanh	7.002.878.342	9.387.965.501
- Công ty TNHH Bao bì C & A	7.002.878.342	9.387.965.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Sổ dư với các bên liên quan (tiếp)</u>	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Phải trả người bán với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	176.464.353.768	66.644.947.423
- Công ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc lá	149.783.172.686	60.027.317.869
- Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Bến Trè	19.518.461.860	-
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	3.420.211.636	1.968.035.130
- Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	3.125.563.917	3.857.460.174
- Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Thăng Long	616.943.669	792.134.250
Phải trả người bán với bên liên quan là Công ty liên doanh	1.166.517.126	1.366.735.680
- Công ty TNHH Bao bì C & A	1.166.517.126	1.366.735.680
Cổ tức phải trả	65.518.957.500	-
- Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	33.415.200.000	-
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	4.181.350.000	-
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	2.669.020.000	-
- Cổ đông khác	25.253.387.500	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty:

		Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
		VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc		2.568.852.357	3.482.490.426
Bà Ngô Thị Ngọc Duyên	Chủ tịch	2.000.000	-
Ông Châu Tuấn	Chủ tịch	139.720.000	278.856.000
Ông Đỗ Ngọc Quang	Thành viên	141.720.000	235.372.000
Bà Lê Diễm Anh	Thành viên	141.720.000	235.372.000
Ông Nguyễn Đức Hanh	Thành viên	505.499.799	665.443.470
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên, Giám đốc	729.581.680	935.198.587
Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc	479.489.799	600.821.744
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc	429.121.079	531.426.625
Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng		1.005.631.038	1.223.783.629
Bà Trần Thị Ánh	Trưởng ban	397.846.019	493.602.046
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Thành viên	97.720.000	126.794.000
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên	97.720.000	126.794.000
Ông Liêu Phước Tính	Kế toán trưởng	412.345.019	476.593.583
Cộng		3.574.483.395	4.706.274.055

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), Phường Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Cây đầu lọc, in nhãn tút, giấy sếp, lưới gà và sản phẩm khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban Giám đốc ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Chỉ tiêu	Cây đầu lọc VND	In nhãn tút VND	Giấy sếp, Lưới gà VND	Sản phẩm khác VND	Tổng VND
Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài					
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	1.390.867.344.807	422.032.689.577	174.937.911.122	37.114.715.363	2.024.952.660.869
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.356.869.338.464	388.924.112.435	148.193.211.881	33.012.120.945	1.926.998.783.725
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.998.006.343	33.108.577.142	26.744.699.241	4.102.594.418	97.953.877.144
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	21.829.381.804	554.560.455	-	-	22.383.942.259
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ					1.854.916.058.745
Tổng tài sản					1.854.916.058.745
Nợ phải trả bộ phận					-
Nợ phải trả không phân bổ					995.559.441.148
Tổng nợ phải trả					995.559.441.148

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), Phường Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Chỉ tiêu	Cây đầu lọc VND	In nhân tút VND	Giấy sếp, Lưỡi gà VND	Sản phẩm khác VND	Tổng VND
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài					
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	1.283.017.556.739	366.939.777.311	167.500.271.430	17.997.233.032	1.835.454.838.512
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.236.683.748.620	336.379.964.211	148.559.811.212	16.907.525.543	1.738.531.049.586
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.333.808.119	30.559.813.100	18.940.460.218	1.089.707.489	96.923.788.926
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	116.909.431.598	-	1.058.080.909	117.967.512.507
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ					1.796.628.390.529
Tổng tài sản					1.796.628.390.529
Nợ phải trả bộ phận					-
Nợ phải trả không phân bổ					959.514.744.094
Tổng nợ phải trả					959.514.744.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

35. CÁC THÔNG TIN KHÁC

35.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

35.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

35.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như không bị buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

36. CÁC THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét.

Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại Thuyết minh số 31 của Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Đức Huy

Kế toán trưởng



Liêu Phước Tính

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Minh

